

## BỘ ĐỀ LUYỆN THI OLYMPIC TIẾNG ANH 8

### Vòng 3

- **Smart monkey.**

Match the English word with the Vietnamese definition.

1. Mobile phone	a. Buổi hòa nhạc
2. Grocery store	b. Tạp chí
3. Paint	c. Cửa hàng tạp hóa
4. Concert	d. Sơn màu
5. Magazine	e. Điện thoại di động

- **1. Mobile phone - ....**

- a. Buổi hòa nhạc
- b. Tạp chí
- c. Cửa hàng tạp hóa
- d. Sơn màu
- e. Điện thoại di động

- **2. Grocery store - ...**

- a. Buổi hòa nhạc
- b. Tạp chí
- c. Cửa hàng tạp hóa
- d. Sơn màu
- e. Điện thoại di động

- **3. Paint - ...**

- a. Buổi hòa nhạc
- b. Tạp chí
- c. Cửa hàng tạp hóa
- d. Sơn màu
- e. Điện thoại di động

- **4. Concert - ...**

- a. Buổi hòa nhạc
- b. Tạp chí
- c. Cửa hàng tạp hóa

- d. Sơn màu
- e. Điện thoại di động

- **5. Magazine - ...**

- a. Buổi hòa nhạc
- b. Tạp chí
- c. Cửa hàng tạp hóa
- d. Sơn màu
- e. Điện thoại di động

- **Fill the blank.**

Choose the suitable letter to make a meaningful word.

- **1. dr\_am**

- i
- e
- o
- u

- **2. gr\_en**

- i
- e
- o
- u

- **3. que\_tion**

- s
- r
- z
- c

- **4. p\_ople**

- i
- e
- o
- u

- **5. to\_ight**

- l
- m
- n
- o

- **6. arr\_ngement**

- i
- e
- a
- u

- **7. trut**

- g
- k
- l
- h

- **8. cl\_b**

- i
- e
- o
- u

- **9. g\_rl**

- i
- o
- e
- u

- **10. se\_tence**

- m
- n
- k
- p

- **Find the honey.**

Choose the correct answer to complete these following sentence.

- **1. Would you like \_\_\_\_\_ a message?**

- leave
- to leave
- leaving
- to leaving

- **2. \_\_\_\_\_ is a telephone you can carry around with you.**

- Public telephone
- Fax machine
- Mobile phone

- Home phone
- **3. Choose the word whose the bolded part is pronounced differently.**
- country
- younger
- countryside
- journalist
- **4. What did he \_\_\_\_\_ to you yesterday?**
- speak
- speaks
- spoke
- speaking

### Đề thi Olympic Tiếng Anh lớp 8 vòng 4

- **Fill the blank.**

Choose the suitable letter to make a meaningful word.

- **1. in\_ide**

- r
- s
- t
- f

- **2. bef\_re**

- i
- e
- o
- u

- **3. demons\_rable**

- k
- p
- t
- f

- **4. int\_resting**

- i
- o
- a
- e

- **5. rac\_et**

- k

- p

- t

- f

- **6. wo\_an**

- k

- m

- n

- v

- **7. mess\_ge**

- i

- e

- a

- u

- **8. downstai\_s**

- r

- s

- x

- v

- **9. co\_umn**

- k

- l

- m

- n

- **10. coun\_less**

- k

- p

- t

- f

- **The teacher is coming.**

Choose the sentence which has the right arrangement.

- **1. Pinky Restaurant/ Is/ alright/ the/ ?/**

- Is alright the Pinky Restaurant?

- Is the Pinky Restaurant alright?

- Is Pinky Restaurant the alright?

- **2. such as/ sports/ Nam/ football and tennis/ playing/ likes/ ./**

- Nam likes sports playing such as football and tennis.
- Nam likes such as football and tennis sports playing.
- Nam likes playing sports such as football and tennis.
- **3. working as/ to/ Hai/ Mr. David/ an assistant/ is/ ./**
- Hai is working as an assistant to Mr. David.
- He is working as Mr. David to an assistant.
- **Hai is an assistant working as to Mr. David.**
- **4. successfully/ invention/ Bill/ his/ demonstrated/ ./**
- Bill demonstrated successfully his invention.
- Bill successfully demonstratd his invention.
- Bill successfully his demonstratd invention.
- **5. too much/ shouldn't/ You/ sweet things/ eat/ ./**
- You sweet things shouldn't too much eat.
- You sweet things shouldn't eat too much.
- You shouldn't eat too much sweet things.

**• Defeat the goalkeeper.**

Choose the correct answer for each following question.

- **1. Choose the word whose the underlined part is pronounced differently.**
- conduct
- customer
- introduce
- upstair
- **2. Jenny is going to \_\_\_\_\_ some bread in the bakery.**
- buy
- lend
- borrow
- own
- **3. Choose the word whose the underlined part is pronounced differently.**
- deaf
- speak
- dream
- reach
- **4. There is an \_\_\_\_\_ of new cars down town. Do you want to go and see?**
- invention
- arrangement

- exhibition
- open
- **5. Choose the word whose the bolded part is pronounced differently.**
- countless

### Đề thi Olympic Tiếng Anh lớp 8 vòng 5

- **Smart monkey.**

Match the English word with the Vietnamese definition.

1. Cross	a. Giá sách
2. Calendar	b. Hình chữ thập
3. Bookshelf	c. Văn phòng phẩm
4. Hospital	d. Lịch
5. Stationery	e. Bệnh viện

- **1. Cross - ....**

- a. Giá sách
- b. Hình chữ thập
- c. Văn phòng phẩm
- d. Lịch
- e. Bệnh viện

- **2. Calendar - ....**

- a. Giá sách
- b. Hình chữ thập
- c. Văn phòng phẩm
- d. Lịch
- e. Bệnh viện

- **3. Bookshelf - ....**

- a. Giá sách
- b. Hình chữ thập
- c. Văn phòng phẩm
- d. Lịch
- e. Bệnh viện

- **4. Hospital - ...**

- a. Giá sách
- b. Hình chữ thập
- c. Văn phòng phẩm

- d. Lịch
- e. Bệnh viện
- **5. Stationery - ...**
- a. Giá sách
- b. Hình chữ thập
- c. Văn phòng phẩm
- d. Lịch
- e. Bệnh viện

- **Find the honey.**

Choose the correct answer for each following question.

- **1. Choose the word whose the underlined part is pronounced differently.**

- knife
- decide
- pink
- excite

- **2. Everyone \_\_\_\_\_ brush his/ her teeth after meal.**

- ought to
- ought not to
- ought
- ought for

- **3. My brother bought a book and taught \_\_\_\_\_ to play football.**

- I
- myself
- me
- mine

- **4. She asks me seriously what she \_\_\_\_\_ do next.**

- have
- ought
- ought for
- should

- **Fill the blank.**

Choose the suitable letter to make a meaningful word.

- **1. vis\_t**

- i
- o
- e

- u
- **2. a\_ainst**

- j
- p
- g
- h

- **3. kni\_e**

- k
- p
- v
- f

- **4. to\_ight**

- k
- m
- n
- v

- **5. sau\_epan**

- b
- c
- d
- f

- **6. kitc\_en**

- g
- h
- k
- d

- **7. chor\_**

- i
- e
- o
- u

- **8. af\_er**

- k
- p
- t

- f
- **9. m\_al**
- i
- a
- o
- e
- **10. sh\_lves**
- i
- e
- o
- u

### Đề thi Olympic Tiếng Anh lớp 8 vòng 6

#### • Fill the blank.

Choose a suitable letter to make a meaningful word.

- **1. g\_rl**
- i
- a
- o
- u
- **2. win\_ow**
- b
- c
- d
- f
- **3. elect\_ical**
- k
- p
- s
- r
- **4. fo\_lower**
- k
- l
- m
- n
- **5. sa\_e**

- g
- h
- c
- v

- **6. ma\_ter**

- k
- p
- t
- f

- **7. bec\_use**

- i
- e
- a
- u

- **8. unt\_l**

- i
- e
- a
- u

- **9. af\_ernoon**

- k
- p
- t
- f

- **10. st\_ry**

- i
- e
- a
- o

- **Cool pair matching.**

Match the English word with the Vietnamese definition.

1. Candle	a. Giá đỡ
2. Toothache	b. Cái kéo
3. Scissors	c. Nén
4. Floor	d. Đau răng

5. Cupboard	e. Sàn nhà
-------------	------------

- **1. Candle - ....**
  - a. Giá đỡ
  - b. Cái kéo
  - c. Nến
  - d. Đau răng
  - e. Sàn nhà
- **2. Toothache - ...**
  - a. Giá đỡ
  - b. Cái kéo
  - c. Nến
  - d. Đau răng
  - e. Sàn nhà
- **3. Scissors - ....**
  - a. Giá đỡ
  - b. Cái kéo
  - c. Nến
  - d. Đau răng
  - e. Sàn nhà
- **4. Floor - ....**
  - a. Giá đỡ
  - b. Cái kéo
  - c. Nến
  - d. Đau răng
  - e. Sàn nhà
- **5. Cupboard - ...**
  - a. Giá đỡ
  - b. Cái kéo
  - c. Nến
  - d. Đau răng
  - e. Sàn nhà
- **Find the honey.**

Choose the correct answer for each following question.

  - **1. Hien hurt \_\_\_\_\_ when she was arranging flowers.**
    - myself

- himself
- herself
- her
- **2. Mint passed the exam \_\_\_\_\_ he studied very hard.**

  - so
  - but
  - and
  - because

- **3. Linh wants to get up early so she buy \_\_\_\_\_ clock.**

  - a bell
  - an alarm
  - bell
  - alarm

- **4. We don't \_\_\_\_\_ stay at school after the lesson today.**

  - should
  - have to
  - can
  - must

### Đề thi Olympic Tiếng Anh lớp 8 vòng 7

- **Find the honey.**

Choose the correct answer for each following question.

- **1. I usually wear skirt, \_\_\_\_\_ today I am wearing trousers.**

- and
- so
- or
- but

- **2. \_\_\_\_\_ did you go yesterday? I went to my grandmother's.**

- Who
- Where
- What
- How

- **3. Bin both plays the guitar \_\_\_\_\_ composes music.**

- or
- and

- so
- but
- **4. Her hair should be \_\_\_\_\_. It is too long.**
  - cutted
  - cat
  - cut
  - cuts
- **Defeat the goalkeeper.**  
Choose the suitable word to complete the sentence.
- **1. Can you give her a message \_\_\_\_ me?**
  - to
  - of
  - for
  - from
- **2. You had better \_\_\_\_ it from me than from a stranger.**
  - hears
  - hear
  - hearing
  - heard
- **3. She isn't used to \_\_\_\_ part in voluntary works.**
  - take
  - takes
  - taking
  - took
- **4. Park your car here and use the elevator over there to go \_\_\_\_ to see the dentist.**
  - downstairs
  - inside
  - outside
  - upstairs
- **5. I like cooking very much. I want to become a famous \_\_\_\_\_.** 
  - cook
  - cooker
  - cooked
  - cooking
- **6. Nowadays, \_\_\_\_ phone become more and more popular.**

- mobile
- immobile
- mobility
- all are correct.

- **7. Can we \_\_\_\_\_ at your house and go to the party together?**
- go
- take
- come
- meet

- **8. I still can't believe it. My bike \_\_\_\_\_ last night.**
- steal
- was steal
- was stolen
- stole

- **9. Mr. Smith has just bought a \_\_\_\_\_.**
- car big black
- big car black
- black car big
- big black car

- **10. I don't like to \_\_\_\_\_ experiment on wild animals.**
- take
- do
- conduct
- get

- **Safe driving.**

Choose the correct answer for each following question.

- **1. The lighting fixture is \_\_\_\_\_ the dinner table.**
- on
- in
- under
- above

- **2. Choose the word whose the bolded part is pronounced differently.**
- gentle
- grow
- get

- together
- **3. Are you free \_\_\_\_ Sunday afternoon?**
- in
- on
- at
- by
- **3. You \_\_\_\_ to have finished your work earlier.**
- must
- should
- need
- ought
- **5. Choose the word whose the position of primary stress differs from the three ones.**
- behavior
- television
- dynamic
- surrounding**
- 

### Đề thi Olympic Tiếng Anh lớp 8 vòng 8

- Match the English word with the Vietnamese definition.

1. Salt	a. La hét
2. Shouting	b. Cánh đồng
3. Farmer	c. Cô tiên
4. Field	d. Muối
5. Fairy	e. Nông dân

- **1. Salt - .....**
- a. La hét
- b. Cánh đồng
- c. Cô tiên
- d. Muối
- e. Nông dân
- **2. Shouting - ...**
- a. La hét
- b. Cánh đồng

- c. Cô tiên
- d. Muối
- e. Nông dân

- **3. Farmer - ...**

- a. La hét
- b. Cánh đồng
- c. Cô tiên
- d. Muối
- e. Nông dân

- **4. Field - ....**

- a. La hét
- b. Cánh đồng
- c. Cô tiên
- d. Muối
- e. Nông dân

- **5. Fairy - ...**

- a. La hét
- b. Cánh đồng
- c. Cô tiên
- d. Muối
- e. Nông dân

- **Safe driving.**

Choose the correct answer to complete the sentence.

- **1. I \_\_\_\_\_ my room everyday, so it is always clean.**

- do
- take
- get
- sweep

- **2. Choose the word whose the underlined part is pronounced differently.**

- chore
- chemistry
- reach
- teacher

- **3. Phu Quoc island sound \_\_\_\_\_ a great place for a relaxing vacation.**

- as

- same
- like
- similar
- 4. \_\_\_\_\_ to cook dinner? Yes, I did.
  - Are you used
  - Do you use
  - Did you used
  - Did you use
- 5. My grandparents look \_\_\_\_\_ us when our parents are away.
  - after
  - at
  - for
  - in
- Leave me out.

There are some English words, each with a redundant letter. You have to take that redundant letter out from each word to make it correct.

For example: Peen

→ The answer is e.

- 1. deaud
- 2. bellong
- 3. cloathes
- 4. youtnger
- 5. foott
- 6. decitde
- 7. fiond
- 8. collectd
- 9. houtel
- 10. braother
- 

- **Đề thi Olympic Tiếng Anh lớp 8 vòng 9**

- **Find the honey.**

Choose the correct for each following question.

- 1. I am not happy \_\_\_\_\_ his work this term.
  - to
  - with
  - on
  - of
- 2. Oh. That is nice. Where \_\_\_\_\_?
  - do you buy

- are you buy
- did you buy
- you buy

- **3. The farmer tied the tiger to a tree with a \_\_\_\_\_.**
- rope
- straw
- socket
- wisdom

- **4. The prince \_\_\_\_\_ the shoe and decided to marry the girl who owned it.**
- to find
- finding
- finds
- found

- **5. This is a handmade hat. People used straw and hay \_\_\_\_\_ it.**
- make
- made
- to make
- making

- **Fill the blank.**  
Choose the correct letter to make a meaningful word.
- **1. cl\_se**
  - i
  - a
  - o
  - u
- **2. cru\_l**
  - i
  - e
  - o
  - a
- **3. ne\_rby**
  - i
  - e
  - o
  - a
- **4. p\_ince**
  - i
  - e
  - o
  - a

- k

- p

- r

- s

- **5. sub\_ect**

- k

- j

- m

- n

- **6. ch\_ose**

- i

- e

- a

- o

- **7. ima\_ine**

- g

- h

- j

- k

- **8. ap\_ear**

- k

- p

- r

- q

- **9. \_hoe**

- r

- s

- t

- x

- **10. o\_n**

- r

- y

- w

- t

- **The teacher is coming.**

Choose the sentence which has the right arrangement.

- **1. sold/ to/ Mr. Son/ his motorcycle/ My uncle/ ./**
  - My uncle sold to his motorcycle Mr. Son.
  - My uncle Mr. Son sold his motorcycle to.
  - My uncle sold his motorcycle to Mr. Son.
- **2. animals/ be a law/ cruelty to/ There should/ to prevent/ ./**
  - There should be a law to prevent cruelty to animals.
  - There should be a law cruelty to animals to prevent .
  - There should be a law cruelty to animals to prevent.
- **3. upset when/ was run over/ My sister was very/ by a car/ her cat/ ./**
  - My sister was very upset when by a car her cat was run over.
  - My sister was very her cat was run over by a car upset when.
  - My sister was very upset when her cat was run over by a car .
- **4. think more/ before you/ You ought to/ decide/ carefully/ ./**
  - You ought to before you decide think more carefully.
  - **You ought to think more carefully before you decide.**
  - You ought to carefully think more before you decide.

• **Đề thi Olympic Tiếng Anh lớp 8 vòng 10**

- **Defeat the goalkeeper.**

Choose the correct answer for each following question.

- **1. I went to school today and your teacher \_\_\_\_\_ me your report card.**
  - give
  - gives
  - gave
  - giving
- **2. The doctor \_\_\_\_\_ he should take a few day off.**
  - asked
  - said
  - spoke
  - told
- **3. She hates the subject and spends no time studying. She got an "E" for it. It means \_\_\_\_\_.**
  - poor
  - rich
  - weak
  - strong

- 4. He was more than a little proud \_\_\_\_\_ himself.
  - about
  - in
  - of
  - for
- 5. \_\_\_\_\_ is the study of the earth and its countries, rivers.
  - Physics
  - Math
  - English
  - Geography
- 6. Choose the word whose the underlined part is pronounced differently.
  - waited
  - annoyed
  - needed
  - wanted
- 7. The police asked him \_\_\_\_\_ he did last night.
  - where
  - what
  - to
  - x
- 8. I don't understand the meaning of the word "bird nest". Can you help me \_\_\_\_\_ it?
  - transmit
  - translate
  - translation
  - mean
- 9. Lan promises to \_\_\_\_\_ her best in learning English.
  - try
  - make
  - work
  - learn
- 10. Choose the word whose the underlined part is pronounced differently.
  - many
  - open
  - money

- ink

- **Smart monkey.**

Match the English word with the Vietnamese definition.

1. Tiger	a. Chăn thả gia súc
2. Among	b. Cưỡi ngựa
3. Riding a horse	c. Con hổ
4. Report card	d. Giữa
5. Grazing	e. Phiếu thành tích học tập

- **1. Tiger - ...**

- a. Chăn thả gia súc
- b. Cưỡi ngựa
- c. Con hổ
- d. Giữa
- e. Phiếu thành tích học tập

- **2. Among - ....**

- a. Chăn thả gia súc
- b. Cưỡi ngựa
- c. Con hổ
- d. Giữa
- e. Phiếu thành tích học tập

- **3. Riding a horse - ....**

- a. Chăn thả gia súc
- b. Cưỡi ngựa
- c. Con hổ
- d. Giữa
- e. Phiếu thành tích học tập

- **4. Report card - ...**

- a. Chăn thả gia súc
- b. Cưỡi ngựa
- c. Con hổ
- d. Giữa
- e. Phiếu thành tích học tập

- **5. Grazing - ....**

- a. Chăn thả gia súc
- b. Cưỡi ngựa

- c. Con hổ
- d. Giữa
- e. Phiếu thành tích học tập

- **The teacher is coming.**

Choose the sentence which has the right arrangement.

- **1. close friends/ character,/ we are/ In spite of/ having different/ ./**

  - In spite of we are having different character, close friends.
  - In spite of having different character, we are close friends.
  - In spite of character, having different we are close friends.

- **2. pronunciation/ improve/ An needs/ his English/ to/ ./**

  - An needs to improve his English pronunciation.
  - An needs improve to his English pronunciation.
  - An needs improve his English to pronunciation.

- **3. enrich/ every day/ English/ You should/ vocabulary/ your/ ./**

  - You should every day English enrich your vocabulary.
  - You should enrich English your vocabulary every day.
  - You should enrich your English vocabulary every day.

- **4. as young/ told me about/ Yesterday/ his experience/ my grandfather/ ./**

  - Yesterday my grandfather as young told me about his experience.
  - Yesterday my grandfather told me as young about his experience.
  - **Yesterday my grandfather told me about his experience as young.**

- **5. some food/ in order to/ I go to/ buy/ the market/ ./**

  - I go to buy some food in order to the market.
  - I go to the market buy some food in order to.
  - I go to the market to buy some food.

- **Đề thi Olympic Tiếng Anh lớp 8 vòng 11**

- **Fill the blank.**

Choose the suitable letter to make a meaningful word.

- **1. di\_fer**

- k
- p
- t
- f

- **2. \_eace**

- k
- p

- t
- f
- **3. add\_ess**

- r
- s
- t
- v

- **4. su\_h**

- b
- c
- d
- f

- **5. so\_rty**

- r
- s
- t
- v

- **6. organi\_aton**

- r
- s
- x
- z

- **7. sup\_ort**

- k
- p
- q
- r

- **8. g\_oup**

- r
- s
- t
- x

- **9. cl\_b**

- i
- e

- a
- u
- 10. fu\_d**
- k
- m
- l
- n

- Defeat the goalkeeper.**

Choose the correct answer for each following question.

- 1. Can you help me? - \_\_\_\_\_.**

- No, I can't
- No, thank you
- Sorry, I can't
- Sure, I can't

- 2. \_\_\_\_\_ help you with these heavy bags.**

- Let's me
- Let's me to
- Let
- Let me

- 3. It was \_\_\_ nice of you to carry me suitcase.**

- too
- such
- how
- so

- 4. I actually enjoy \_\_\_\_\_ my collection of toy cars.**

- clean
- cleans
- to clean
- cleaning

- 5. Let's go out now. It \_\_\_\_\_ now.**

- isn't going to rain
- isn't raining
- doesn't rain
- not rain

- 6. She is so young for the job, but on the other \_\_\_\_\_ she is well- qualified.**

- occasion

- event
- chance
- hand
- **7. Choose the word whose the underlined part is pronounced differently.**
- enroll
- both
- lose
- program
- **8. It's very kind \_\_\_\_ you to help me with these heavy bags.**
- for
- of
- to
- in
- **9. Students don't go to school \_\_\_\_ weekends.**
- for
- at
- in
- from
- **10. What do you like \_\_\_\_ in your free time? I like watching TV.**
- do
- did
- to
- doing
- **Smart monkey.**

Match the English word with the Vietnamese definition.

1. Tourists	a. Sở cảnh sát
2. Policewoman	b. Hoạt động ngoài trời
3. Receptionist	c. Khách du lịch
4. Police station	d. Nữ cảnh sát
5. Outdoor activity	e. Lẽ tân

- **1. Tourists - ....**
- a. Sở cảnh sát
- b. Hoạt động ngoài trời
- c. Khách du lịch

- d. Nữ cảnh sát
- e. Lê tân
- **2. Policewoman - ...**
  - a. Sở cảnh sát
  - b. Hoạt động ngoài trời
  - c. Khách du lịch
  - d. Nữ cảnh sát
  - e. Lê tân
- **3. Receptionist - ....**
  - a. Sở cảnh sát
  - b. Hoạt động ngoài trời
  - c. Khách du lịch
  - d. Nữ cảnh sát
  - e. Lê tân
- **4. Police station - ....**
  - a. Sở cảnh sát
  - b. Hoạt động ngoài trời
  - c. Khách du lịch
  - d. Nữ cảnh sát
  - e. Lê tân
- **5. Outdoor activity - ...**
  - a. Sở cảnh sát
  - b. Hoạt động ngoài trời
  - c. Khách du lịch
  - d. Nữ cảnh sát
  - e. Lê tân

### Đề thi Olympic Tiếng Anh lớp 8 vòng 12

- **Cool pair matching.**

Match the English word with the Vietnamese definition.

1. Sore throat	a. Đau họng
2. Learn by heart	b. Mảnh, miếng
3. Fluent	c. Học thuộc lòng
4. Piece	d. Văn phòng, cơ quan

5. Office	e. Lưu loát, trôi chảy
-----------	------------------------

- **1. Sore throat - ....**
  - a. Đau họng
  - b. Mảnh, miếng
  - c. Học thuộc lòng
  - d. Văn phòng, cơ quan
  - e. Lưu loát, trôi chảy
- **2. Learn by heart - ...**
  - a. Đau họng
  - b. Mảnh, miếng
  - c. Học thuộc lòng
  - d. Văn phòng, cơ quan
  - e. Lưu loát, trôi chảy
- **3. Fluent - ....**
  - a. Đau họng
  - b. Mảnh, miếng
  - c. Học thuộc lòng
  - d. Văn phòng, cơ quan
  - e. Lưu loát, trôi chảy
- **4. Piece - ....**
  - a. Đau họng
  - b. Mảnh, miếng
  - c. Học thuộc lòng
  - d. Văn phòng, cơ quan
  - e. Lưu loát, trôi chảy
- **5. Office - ...**
  - a. Đau họng
  - b. Mảnh, miếng
  - c. Học thuộc lòng
  - d. Văn phòng, cơ quan
  - e. Lưu loát, trôi chảy
- **Find the honey.**

Choose the correct answer for each following question.
- **1. The electric kettle I bought from you yesterday doesn't \_\_\_\_\_.**
  - run

- cook
- go
- work
- **2. My mother is \_\_\_\_\_ work now.**
- old
- too old
- to
- too old to
- **3. You have to promise \_\_\_\_\_ anyone because it is my secret.**
- not to tell
- won't tell
- not telling
- don't tell
- **4. My father always \_\_\_\_\_ me in my studies.**
- chooses
- causes
- makes
- encourages
- **Leave me out.**

There are some English words, each with a redundant letter. You have to take that redundant letter out from each word to make it correct.

For example: Peen

→ The answer is e.

- **1. betater**
- **2. eauch**
- **3. clopsing**
- **4. correcest**
- **5. leaurner**
- **6. advioce**
- **7. biody**
- **8. papqer**
- **9. dloor**
- **10. laubel**
- 

- **Đề thi Olympic Tiếng Anh lớp 8 vòng 12**

- **Cool pair matching.**

Match the English word with the Vietnamese definition.

- 1. Performing music a. Chơi cầu lông

- 2. Buying a ticket      b. Trình diễn ca nhạc
- 3. Playing badminton    c. Tình nguyện viên
- 4. Planting flowers      d. Mua vé
- 5. Volunteers            e. Trồng hoa

- **1. Performing music - ....**
  - a. Chơi cầu lông
  - b. Trình diễn ca nhạc
  - c. Tình nguyện viên
  - d. Mua vé
  - e. Trồng hoa
- **2. Buying a ticket - ...**
  - a. Chơi cầu lông
  - b. Trình diễn ca nhạc
  - c. Tình nguyện viên
  - d. Mua vé
  - e. Trồng hoa
- **3. Playing badminton - ....**
  - a. Chơi cầu lông
  - b. Trình diễn ca nhạc
  - c. Tình nguyện viên
  - d. Mua vé
  - e. Trồng hoa
- **4. Planting flowers - ...**
  - a. Chơi cầu lông
  - b. Trình diễn ca nhạc
  - c. Tình nguyện viên
  - d. Mua vé
  - e. Trồng hoa
- **5. Volunteers - ....**
  - a. Chơi cầu lông
  - b. Trình diễn ca nhạc
  - c. Tình nguyện viên
  - d. Mua vé
  - e. Trồng hoa

- **The teacher is coming.**

Choose the sentence which has the proper arrangement.

- **1. doing his homework/ plays computer games/ he/ After/ usually/ ./ ,/**
  - After plays computer games, he usually doing his homework.
  - After doing his homework, he usually plays computer games.
  - After usually plays computer games, he doing his homework.
- **2. useful/ It/ to help poor children/ to join in the club/ is/ ./**
  - It is useful to help poor children to join in the club.
  - It is to help poor children useful to join in the club.
  - It is useful to join in the club to help poor children.
- **3. he went to bed/ he got home/ He was/ that/ as soon as/ tired/ so/ ./**
  - He was tired so that he went to bed as soon as he got home.
  - He was so tired that he got home as soon as he went to bed.
  - He was so tired that he went to bed as soon as he got home.
- **4. My father is/ home appliances/ at/ very/ repairing/ good/ ./**
  - My father is very good at repairing home appliances.
  - My father is good very at repairing home appliances.
  - My father is very good at home appliances repairing.
- **5. by/ and broken glasses/ We/ funds/ collecting waste paper/ raise/ ./**
  - We funds raise by collecting waste paper and broken glasses.
  - We raise funds and broken glasses by collecting waste paper.
  - We raise funds by collecting waste paper and broken glasses.
- **6.**  
for the new program/ The center/ be/ candidates/ soon/ enroll/ will/ ./ ready to/
  - The center will soon be ready to enroll candidates for the new program.
  - The center will be soon ready to enroll candidates for the new program.
  - The center will soon be ready to candidates enroll for the new program.
- **7. as much as/ As my parents got older, / they had done/ no longer/ they/ wanted to travel/ ./**
  - As my parents got older, they had done no longer they as much as wanted to travel.
  - As my parents got older, they had done they no longer wanted to travel as much as.
  - As my parents got older, they no longer wanted to travel as much as they had done.
- **Defeat the goalkeeper.**  
Choose the correct answer for each following question.
- **1. It is \_\_\_\_\_ in America to eat Turkey on Thanksgiving day.**

- tradition
- traditional
- traditionally

• 2. She gave me a \_\_\_\_\_ of the new procedures for an emergency.

- demonstrate
- demonstrating
- demonstration
- demonstrated

• 3. Most people watch the \_\_\_\_\_ on TV.

- information
- magazine
- news
- hot

• 4. We are dreaming of \_\_\_\_\_ a luxurious car.

- have
- to have
- had
- having

• 5. \_\_\_\_\_ sing together.

- Let us
- Let
- Let's
- Let's to

• 6. Choose the word whose the underlined part is pronounced differently.

- wide
- width
- night
- bright

• 7. \_\_\_\_\_ you show me how to get the train station?

- Can
- May
- Might
- Could

• 8. I want to know when \_\_\_\_\_ an environment month in your school.

- you have

- you are having
- you had
- you would have

- **Đề thi Olympic Tiếng Anh lớp 8 vòng 13**

- **Cool pair matching.**

Match the English word with the Vietnamese definition.

1. Wet market	a. Vui tính
2. Soccer fan	b. Thợ làm tóc
3. Fun	c. Hiệu thuốc
4. Drugstore	d. Người hâm mộ bóng đá
5. Barber	e. Chợ cá, chợ ẩm uớt

- **1. Wet market - ....**

- a. Vui tính
- b. Thợ làm tóc
- c. Hiệu thuốc
- d. Người hâm mộ bóng đá
- e. Chợ cá, chợ ẩm uớt

- **2. Soccer fan - ...**

- a. Vui tính
- b. Thợ làm tóc
- c. Hiệu thuốc
- d. Người hâm mộ bóng đá
- e. Chợ cá, chợ ẩm uớt

- **3. Fun - ...**

- a. Vui tính
- b. Thợ làm tóc
- c. Hiệu thuốc
- d. Người hâm mộ bóng đá
- e. Chợ cá, chợ ẩm uớt

- **4. Drugstore - ....**

- a. Vui tính
- b. Thợ làm tóc
- c. Hiệu thuốc

- d. Người hâm mộ bóng đá
- e. Chợ cá, chợ ẩm ướt

- **5. Barber - ....**

- a. Vui tính
- b. Thợ làm tóc
- c. Hiệu thuốc
- d. Người hâm mộ bóng đá
- e. Chợ cá, chợ ẩm ướt

- **Safe driving.**

Choose the correct answer for each following question.

- **1. What an awful weather! You must \_\_\_\_\_ cold.**

- be
- am
- is
- are

- **2. \_\_\_\_\_ have you lived in this town? - For nearly 15 years.**

- When
- What
- What time
- How long

- **3. Choose the word whose the underlined part is pronounced differently.**

- busy
- only
- happily
- my

- **4. The cakes are \_\_\_\_\_.**

- delixious
- delixiously
- deliciously
- delicious

- **5. This is my best friend. We \_\_\_\_\_ each other for a long time.**

- knew
- have known
- have know
- have knew

- **Leave me out.**

There are some English words, each with a redundant letter. You have to take that redundant letter out from each word to make it correct.

For example: Peen

→ The answer is e.

- **1. tained**
- **2. togeather**
- **3. sourface**
- **4. stradium**
- **5. Americant**
- **6. contrest**
- **7. yeut**
- **8. newcomer**
- **9. taldk**
- **10. hospqital**

• **Đề thi Olympic Tiếng Anh lớp 8 vòng 14**

- **Find the honey.**

Choose the correct answer for each following question.

- **1. Choose the word whose the underlined part is pronounced differently.**

- collectss
- bookss
- climbss
- stampss

- **2. I \_\_\_\_\_ to reach him three days ago. Since then, I \_\_\_\_\_ twice.**

- tried/ has called
- tried/ have called
- tried/ called
- have tried/ called

- **3. Choose the word whose the underlined part is pronounced differently.**

- essential
- commercial
- dentist
- mentor

- **4. She has been working so hard that she feel quite \_\_\_\_\_.**

- full
- fear
- fine
- exhausted

- **Smart monkey.**

Match the English word with the Vietnamese definition.

1. Buffalo	a. Đồng hồ bỏ túi
2. Green pepper	b. Công chúa
3. Toy cat	c. Con trâu
4. Princess	d. Mèo đồ chơi
5. Pocket- watch	e. Ớt xanh

- **1. Buffalo - ....**
  - a. Đồng hồ bỏ túi
  - b. Công chúa
  - c. Con trâu
  - d. Mèo đồ chơi
  - e. Ớt xanh
- **2. Green pepper - ...**
  - a. Đồng hồ bỏ túi
  - b. Công chúa
  - c. Con trâu
  - d. Mèo đồ chơi
  - e. Ớt xanh
- **3. Toy cat - ...**
  - a. Đồng hồ bỏ túi
  - b. Công chúa
  - c. Con trâu
  - d. Mèo đồ chơi
  - e. Ớt xanh
- **4. Princess - ....**
  - a. Đồng hồ bỏ túi
  - b. Công chúa
  - c. Con trâu
  - d. Mèo đồ chơi
  - e. Ớt xanh
- **5. Pocket- watch - ...**
  - a. Đồng hồ bỏ túi
  - b. Công chúa
  - c. Con trâu
  - d. Mèo đồ chơi

- e. Ôt xanh

- **Fill the blank.**

Choose the right letter to make a meaningful word.

- **1. che\_p**

- i
- e
- a
- u

- **2. air-con\_itioned**

- k
- p
- t
- d

- **3. inv\_ntion**

- i
- e
- a
- u

- **4. sta\_ion**

- r
- t
- s
- v

- **5. ho\_or**

- k
- m
- l
- n

- **6. \_lim**

- k
- p
- r
- s

- **7. sta\_p**

- k
- m

- l
- n
- **8. mi\_ute**
- k
- m
- n
- p
- **9. t\_eth**
- e
- i
- o
- u
- **1. h\_ur**
- i
- e
- a
- o



NGUỒN SƯU TẦM VÀ CHIA SẺ TÀI LIỆU MIỄN PHÍ CHO BÉ

MUỐN BÉ GIỎI TIẾNG ANH BA MẸ NÊN ĐỌC FILE NÀY

[https://drive.google.com/drive/folders/1PvH2u-NQknWuXihb\\_GLAruiULLPwNaf?usp=sharing](https://drive.google.com/drive/folders/1PvH2u-NQknWuXihb_GLAruiULLPwNaf?usp=sharing)

TỔNG HỢP THƯ VIỆN TÀI LIỆU MIỄN PHÍ CHO BÉ TỪ MẦM NON ĐẾN LỚP 12 TẠI ĐÂY  
[https://docs.google.com/presentation/d/1c5uj8NtXKypKzMcdaaDEEys0KDXYphpuMn3\\_DrCwJHk/edit#slide=id.p](https://docs.google.com/presentation/d/1c5uj8NtXKypKzMcdaaDEEys0KDXYphpuMn3_DrCwJHk/edit#slide=id.p)

Hoặc ba mẹ vào nhóm sưu tầm và chia sẻ tài liệu, APP học TIẾNG ANH CHO BÉ MIỄN PHÍ

: **TIẾNG ANH MIỄN PHÍ CHO MẸ VÀ BÉ TỰ HỌC TẠI NHÀ**

<https://www.facebook.com/groups/917907345934657>

Hoặc nhóm zalo chia sẻ tài liệu: 0917.427.940

<https://zalo.me/g/strvoy468>

TỔNG HỢP KÊNH YOUTUBE VÀ TRANG WEB HỌC TIẾNG ANH MIỄN PHÍ RẤT CẦN  
CHO BÉ

[https://drive.google.com/file/d/1OOrX\\_J5yy-mjvzjh6ZQWNRXOv6yks2-9/view?usp=sharing](https://drive.google.com/file/d/1OOrX_J5yy-mjvzjh6ZQWNRXOv6yks2-9/view?usp=sharing)

Hoặc ghé kênh youtube có link tải tài liệu trong phần mô tả của  
video trong DANH SÁCH PHÁT: TÀI LIỆU TIẾNG ANH

[https://www.youtube.com/watch?v=GUt\\_fticYrM&t=341s](https://www.youtube.com/watch?v=GUt_fticYrM&t=341s)

<https://www.youtube.com/watch?v=7RMJ6CmjT3c&t=6s>

<https://www.youtube.com/watch?v=cd1JBXu3jl4&t=62s>

